

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26/9/2019

"V/v ly hôn, nuôi con chung"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC- TỈNH HẢI DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Yến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thúy và bà Nguyễn Thị Lan.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 26/9/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019, về việc: Ly hôn; nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/QĐXX-ST ngày 12 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/QĐST -HNGĐ ngày 29/8/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Sần Thị V, sinh năm 1986

Địa chỉ cư trú: Thôn P, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Ninh.

2. Bị đơn: Anh Phạm Quý Đ, sinh năm 1983.

Địa chỉ cư trú: Thôn A, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng: Bà Phạm Thị V, sinh năm 1952.

Địa chỉ cư trú: A, Đ, G, Hải Dương.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn và người làm chứng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/6/2019 của chị Sần Thị V và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị V trình bày: Chị và anh Phạm Quý Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện được UBND xã Đức Xương, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương đăng ký kết hôn ngày 28/3/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có sự tôn trọng nhau nên thường hay xảy ra đánh cãi

nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được xin ly hôn anh Phạm Quý Đ.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Phạm Quý D, sinh ngày 08/11/2007 hiện đang ở với anh Đ, nếu cháu D có nguyện vọng ở với bố hay mẹ đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu. Nếu cháu có nguyện vọng ở với anh Đ thì chị nhất trí và chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh Đ mỗi tháng 1.000.000đồng.

Về tài sản: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Quý Đ đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên anh Đ không có bản tự khai, không tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải do Tòa án triệu tập.

Tại biên bản xác minh bà Phạm Thị V (mẹ đẻ anh Phạm Quý Đ) trình bày: Bà xây dựng hạnh phúc cho anh Đ, chị V vào năm 2007, sau khi kết hôn chị V đi làm ăn kinh tế, anh Đ ở nhà lao động sản xuất đến khi chị sinh con được khoảng 6 - 7 tháng thì chị để con cho anh Đ nuôi rồi lại tiếp đi làm ăn kinh tế, thỉnh thoảng chị lại về thăm con. Trong quá trình vợ chồng anh Đ, chị V chung sống do tính cách không hòa hợp nhau nên không có tiếng nói chung. Mặt khác anh Đ không chịu khó làm ăn nhưng lại ăn tiêu hoang phí nên chị V sinh ra chán nản, vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên chị đã bỏ đi không chung sống cùng anh Đ từ năm 2009. Vợ chồng đã sống ly thân đến nay đã 10 năm không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Thời gian gần đây do anh Đ làm ăn thua lỗ nên bỏ đi làm ăn nay đây mai đó thỉnh thoảng mới về qua nhà rồi lại đi ngay. Việc chị V xin ly hôn anh Đ, bà V đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án có lần đã thông báo, có lần đã giao cho anh Đ các văn bản của Tòa án mà bà đã nhận được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng quyền nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định pháp luật. Qua kiểm sát vụ án tại phiên tòa, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11

năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị V, xử cho chị V được ly hôn anh Đ.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Quý Đ, sinh ngày 08/11/2007 cho anh Đ nuôi dưỡng đến khi 18 tuổi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con 1.000.000đồng/tháng của chị V.

- Về án phí: Chị V chịu 300.000đồng án phí ly hôn và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 11/6/2019 chị Sần Thị V làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh Phạm Quý Đ có địa chỉ nơi cư trú tại thôn A, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương tại thời điểm chị Sần Thị V làm đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn anh Phạm Quý Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại thôn A, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương nên TAND huyện Gia Lộc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Quý Đ nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án tổng đạt thông qua bà Phạm Thị V mẹ đẻ anh Đ, bà V xác định đã thông báo, đã giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Đ nhưng anh Đ đều vắng mặt, khi Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị đơn anh Đ đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Đ.

Tại phiên tòa do nguyên đơn chị Sần Thị V có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Phạm Quý Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên HĐXX xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1; 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Sần Thị V và anh Phạm Quý Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện được UBND xã Đ, huyện G đăng ký kết hôn ngày 28/3/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có sự tôn trọng nhau nên thường hay xảy ra đánh cãi nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay không ai quan tâm đến

cuộc sống của ai. Do bị đơn anh Đ cố tình vắng mặt nên không có bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị V. Để xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng anh Đ, chị V, Tòa án xác minh thân nhân của anh Đ cũng như chính quyền địa phương, đoàn thể nơi anh Đ đang sinh sống thì thấy mâu thuẫn vợ chồng anh Đ, chị V xảy ra đến nay đã 10 năm, vợ chồng sống ly thân nhưng không cả hai không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ tình cảm, điều đó chứng tỏ mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị V làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh Đ, HĐXX chấp nhận đơn xin ly hôn của chị V, xử cho chị được ly hôn với anh Đ là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có một con chung là Phạm Quý Dương, sinh ngày 08/11/2007. Chị V đã có quan điểm, từ khi vợ chồng sống ly thân cháu Dương vẫn ở với anh Đ và bà nội, nếu cháu có nguyện vọng ở với bố, hay mẹ đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu. Tòa án lấy lời khai của cháu D, cháu có nguyện vọng đề nghị được ở với bố khi bố mẹ ly hôn nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu D, HĐXX xét thấy giao cháu D cho anh Đ được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D là phù hợp. Do chị V tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh Đ mỗi tháng 1.000.000đồng (một triệu đồng), xét thấy sự tự nguyện của chị là phù hợp pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Sần Thị V phải chịu tiền án phí sơ thẩm dân sự ly hôn phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* Áp dụng: Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Sần Thị V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Sần Thị V ly hôn anh Phạm Quý Đ.

2. Về quan hệ con chung: Anh Phạm Quý Đ được tiếp tục nuôi con chung là Phạm Quý D, sinh ngày 08/11/2007. Chấp nhận sự tự nguyện của chị

V cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh Đ mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2019 đến khi cháu D đủ 18 tuổi trưởng thành. Chị V không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày anh Phạm Quý Đ có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu chị Sần Thị V chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Sần Thị V phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm dân sự ly hôn được khấu trừ vào số tiền chị V đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003678 ngày 11/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc và phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con (chưa nộp).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gia Lộc.
- Những người tham gia tố tụng.
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Gia Lộc.
- UBND xã Đ.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Minh Yến